**PHIẾU HƯỚNG DẪN TỰ HỌC MÔN NGHỀ ĐIỆN - TUẦN 17**

**Tiết 33; 34: ÔN TẬP CỦNG CỐ KIẾN THỨC CHƯƠNG I, II, III**

1. **Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tên bài học/chủ đề Khối lớp** | Nghề điện dân dụng  Lớp 8 |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **TIẾT 33, 34**  **-** Xem nội dung các bài:  + Chương I: Công nghiệp điện – điện năng.  + Chương II: Dụng cụ và vật liệu kỹ thuật điện.  + Chương III: An toàn lao động trong nghề điện.  - Trả lời các câu hỏi ôn tập. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | - Thực hiện trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. |

**2. Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| Tự chọn điện 8 | Mục 1: | 1.  2. |

**Bài ghi của học sinh**

**Tiết 33; 34: ÔN TẬP CỦNG CỐ KIẾN THỨC CHƯƠNG I, II, III**

* **CHƯƠNG I: CÔNG NGHIỆP ĐIỆN – ĐIỆN NĂNG**

Câu 1: Dây dẫn điện, các thiết bị điện và đồ dùng điện được gọi là những:

A. Kí hiệu điện của mạch điện.

B. Phần tử của mạch điện.

C. Mạch điện.

D. Sơ đồ điện của mạch điện

Câu 2: Động cơ điện (máy giặt, máy bơm nước…) là thiết bị điện chuyển điện năng thành:

A. Nhiệt năng.

B. Quang năng.

C. Cơ năng.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 3: Đèn huỳnh quang là thiết bị điện chuyển điện năng thành:

A. Nhiệt năng.

B. Quang năng.

C. Cơ năng.

D. Hoá năng.

Câu 4: Đơn vị đo điện áp là:

A. Ampe (A)

B. Volt (V )

C. Ohm ()

D. Watt (W)

Câu 5: Điện áp pha là điện áp đo giữa:

A. 2 dây pha

B. 1 dây pha, 1 dây trung tính

C. 3 dây pha

D. 2 dây pha, 1 dây trung tính

Câu 6: Dòng điện một chiều là dòng điện có:

A. Chiều và trị số không đổi theo thời gian.

B. Trị số không đổi và chiều thay đổi theo thời gian

C. Chiều dòng điện thay đổi theo thời gian.

D. Trị số thay đổi và chiều không đổi theo thời gian

Câu 7: Dòng điện xoay chiều ở nước ta có tần số:

A. f = 45 Hz (héc)

B. f = 50 Hz (héc)

C. f = 55 Hz (héc)

D. f = 60 Hz (héc)

Câu 8: Ở Việt Nam có các dạng sản xuất điện năng:

A. Quang năng, nhiệt năng

B. Thủy năng, hóa năng

C. Nhiệt năng, thủy năng

D. Nguyên tử, thủy năng

Câu 9: Việc tiết kiệm điện năng là của đối tượng nào?

A. Cơ quan, xí nghiệp.

B. Công nhân.

C. Học sinh.

D. Mọi người.

Câu 10: Có 2 loại nguồn điện chủ yếu là:

A. Nguồn điện 1 chiều và nguồn điện 2 chiều

B. Điện 1 pha.

C. Nguồn điện 1 chiều và nguồn điện xoay chiều

D. Điện 3 pha.

* **CHƯƠNG II: DỤNG CỤ VÀ VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN**

Câu 11: Vật liệu dẫn điện là những vật liệu:

Không cho dòng điện đi qua.

Cho dòng điện đi qua dễ dàng.

Cho dòng điện đi qua dễ dàng ở nhiệt độ bình thường.

Cho dòng điện đi qua ở nhiệt độ cao.

Câu 12: Vật liệu dẫn điện có thể là:

A. Dung dịch.

B. Chất rắn, chất lỏng, chất hơi.

C. Kim loại.

D. Phi kim loại.

Câu 13: Cao su, sành sứ, nhựa, thủy tinh… thuộc nhóm vật liệu :

A. Vật liệu dẫn điện.

B. Vật liệu dẫn từ.

C. Vật liệu cách điện.

D. Vật liệu bán dẫn.

Câu 14: Hơi thủy ngân dùng làm:

A. bộ phận cách điện trong máy phát, động cơ điện

B. bộ phận dẫn điện trong vỏ khí cụ điện

C. bộ phận dẫn điện trong đèn cao áp

D. bộ phận cách điện trong lõi biến thế cao tần

Câu 15: Hợp kim Niken - crôm dùng làm:

A. Lõi dẫn từ trong máy phát, động cơ điện

B. Vỏ khí cụ điện

C. Ăng ten

D. Dây đốt nóng của bếp điện

Câu 16: Vật liệu dẫn điện gồm các vật liệu sau:

A. Nhựa, sứ, dầu cáp

B. Hơi thủy ngân, nicrôm

C. Mica, amiăng, pherít

D. Hợp kim, thép kỹ thuật.

Câu 17: Vật liệu cách điện gồm các vật liệu sau:

A. Nhựa, sứ, dầu cáp

B. Giấy cách điện, nicrôm

C. Mica, amiăng, pherít

D. Hợp kim, thép kỹ thuật.

Câu 18: Vật liệu dẫn điện là vật liệu:

A. Không cho dòng điện đi qua.

B. Cho dòng điện đi qua dễ dàng ở nhiệt độ trung bình.

C. Cho dòng điện đi qua dễ dàng.

D. Cho dòng điện đi qua ở nhiệt độ cao.

Câu 19: Trên dây dẫn có ghi 0,5 là :

A. Tiết diện dây

B. Bán kính dây

C. Đường kính dây

D Chiều dài dây

Câu 20: Vật liệu dẫn từ có đặc tính:

A. Dẫn từ kém

B. Dẫn điện kém

C. Cách điện tốt

D. Dẫn từ tốt

* **CHƯƠNG III: AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG NGHỀ ĐIỆN**

Câu 21: Những yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm của tai nạn điện giật:

A. Điện trở người, trị số dòng điện qua người, thời gian dòng điện qua người, đường đi của dòng điện qua người, tần số dòng điện.

B. Cường độ, điện áp, điện trở người và vị trí tiếp xúc với điện.

C. Điện áp khu vực, thời gian tiếp xúc, tần số dòng điện và sức khỏe của mỗi người.

D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 22: Tần số dòng điện:

A. Càng cao càng nguy hiểm.

B. Càng thấp càng nguy hiểm.

C. Cao hay thấp đều nguy hiểm.

D. Cao hay thấp đều không nguy hiểm

Câu 23: Các nguyên nhân gây tai nạn điện cho người:

A. Chạm phải vật mang điện, bộ phận bị chạm vỏ

B. Điện áp bước

C. Phóng hồ quang

D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 24: Khi người chạm vào phần tử mang điện, cơ thể ở trạng thái co giật, mê mang bất tỉnh, từ 4-6 giây có thể chết đó là tác dụng:

A. Gây chấn thương

B. Kích thích

C. Rối loạn

D. Tê liệt

Câu 25: Phát biểu nào sau đây là sai:

A. Cường độ dòng điện càng lớn thì càng nguy hiểm.

B. Thời gian dòng điện qua cơ thể càng lâu thì càng nguy hiểm.

C. Điện trở người càng cao thì càng nguy hiểm.

D. Tần số dòng điện càng thấp thì càng nguy hiểm.

Câu 26: Thời gian tiếp xúc với dòng điện ……… , điện trở người ……… , mức độ nguy hiểm ………

A. Càng lâu, càng thấp, càng cao.

B. Càng lâu, càng cao, càng cao.

C. Càng lâu, càng thấp, càng giảm.

D. Cả 3 câu đều sai

Câu 27: Khi bị điện giật nguyên nhân là do:

A. Chạm vào thiết bị rò điện.

B. Chạm vào phần tử mang điện.

C. Phóng điện cao áp.

D. A, B, C đúng.

